

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
Thành phố Hồ Chí Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2022/DSST

Ngày: 08.8.2022.

V/v “Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nội Thị Hảo - Cán bộ tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐST – DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2022/QĐST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 68/26 Bùi Dương Lịch, phường B, quận B, Thành phố H.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Thường trú: 5/1D ấp Tam Đông 1, xã T, huyện H, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04.5.2020, bản tự khai và biên bản không tiền hành hòa giải được, đại diện nguyên đơn là ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 30/9/2011 ông Trần Văn N có ký với Ngân hàng TMCP S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng (Bao gồm điều khoản và điều kiện cấp thẻ). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 (mười triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Văn N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.549.500 (mười ba triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Văn N đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 18.464.620 (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi) đồng. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở, ông Trần Văn N vẫn không thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn lại. Do ông Trần Văn N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 26/10/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 08/8/2022 là 31.702.069 (ba mươi một triệu bảy trăm lẻ hai ngàn không trăm sáu mươi chín) đồng gồm nợ gốc 8.649.848 (tám triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi tám) đồng và lãi quá hạn 23.052.221 (hai mươi ba triệu không trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi một) đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh sau ngày 08/8/2022 theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Trần Văn N không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn ông Trần Văn N, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông N vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với ông Trần Văn N là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại 5/1D ấp Tam Đông 1, xã T, huyện H, Tp. H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn Trần Văn

N không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho ông N nhưng ông N vẫn không có mặt. Đại diện ủy quyền nguyên đơn là ông Trần Đức T có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì vào ngày 30/9/2011, ông Trần Văn N do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên có ký với Ngân hàng TMCP S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng để sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 (mười triệu) đồng, lãi suất 2,15%/tháng. Từ lúc sử dụng thẻ đến nay, phía bị đơn Trần Văn N thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.549.500 (mười ba triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm) đồng, thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 18.464.620 (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi) đồng và vi phạm cam kết không thực hiện việc thanh toán tiền như hợp đồng đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình tố tụng, do bị đơn Trần Văn N không đến Tòa để cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn Trần Văn N không thanh toán tiền cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Văn N trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 08/8/2022 là 31.702.069 (ba mươi một triệu bảy trăm lẻ hai ngàn không trăm sáu mươi chín) đồng một lần, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh sau ngày 08/8/2022 theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn Trần Văn N vắng mặt, không có lời khai, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về án phí: Bị đơn Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Trần Văn N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 08/8/2022 là 31.702.069 (ba mươi một triệu bảy trăm lẻ hai ngàn không trăm sáu mươi chín) đồng và tiền lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 09/8/2022 theo mức lãi suất được thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi ông Trần Văn N trả xong khoản nợ cho Ngân hàng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Ông Trần Văn N chịu án phí DSST là 1.585.103 (một triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn một trăm lẻ ba) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 560.774 (năm trăm sáu mươi ngàn bảy trăm bảy mươi bốn) đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền số 0078398 ngày 29.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Hoa**